TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2023 /QĐST-KDTM	*Đông Anh, ngày 27 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 105/2022/TLST-KDTM ngày 12/7/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng X**; trụ sở: Số a đường LH, phường TC, quận BĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ***Phạm Toàn V*** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ***Trịnh Xuân L*** – Giám đốc Ngân hàng X chi nhánh ĐA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Long: Ông ***Trần Văn M*** – Phó giám đốc Ngân hàng X chi nhánh ĐA.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông ***Lê Quang T*** – Giám đốc phòng giao dịch LH - Ngân hàng X chi nhánh ĐA.

- *Bị đơn:* Bà ***Bùi Thị T***, sinh năm 1962; ông ***Nguyễn Văn Tm***, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn HK, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tm: bà Bùi Thị T (Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2023).

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-202004830 ngày 15/10/2020 và các giấy nhận nợ: Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202106655 ngày 15/7/2021; Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202106788 ngày 20/7/2021; Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202107181 ngày 03/8/2021; Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202108452 ngày 21/9/2021; Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202108550 ngày 23/9/2021; Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202108771 ngày 29/9/2021; Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202108859 ngày 01/10/2021; Giấy nhận nợ số 3140-LDS-202108969 ngày 05/10/2021. Tính đến hết ngày18/7/2023, ông Nguyễn Văn Tm – bà Bùi Thị T còn nợ Ngân hàng X số tiền như sau:

- Tổng dư nợ gốc: 1.310.000.000 (Một tỷ, ba trăm mười triệu) đồng.
- Tổng dư nợ lãi trong hạn: 36.694.519 (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm mười chín) đồng.
- Tổng dư nợ lãi quá hạn: 266.102.856 (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm linh hai nghìn, tám trăm năm mươi sáu) đồng.
- Tổng dư nợ lãi chậm trả lãi: 5.155.137 (Năm triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi bảy) đồng.
- Tổng dư nợ gốc và lãi: 1.617.952.513 (Một tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm mười ba) đồng.

2.2. Về phương thức trả nợ: Hạn cuối là ngày 30/11/2024, gia đình ông Nguyễn Văn Tm – bà Bùi Thị T (gồm ông Nguyễn Văn Tm, bà Bùi Thị T) phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền 1.617.952.513 (Một tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm mười ba) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2023 đến khi tất toán khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ theo lộ trình sau:

Tháng 8 năm 2023, ông Tm – bà T trả ngân hàng số tiền tối thiểu 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023, mỗi tháng ông Tm – bà T phải trả ngân hàng số tiền tối thiểu 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

Tháng 12 năm 2023, ông Tm – bà T trả ngân hàng số tiền tối thiểu 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 5 năm 2024, mỗi tháng ông Tm – bà T trả ngân hàng số tiền tối thiểu 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

Tháng 6 năm 2024, ông Tám – bà T trả ngân hàng số tiền tối thiểu 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Từ tháng 07 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024, mỗi tháng ông Tm – bà T trả ngân hàng số tiền tối thiểu 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

Ngày 30 tháng 11 năm 2024 ông Tm – bà T phải trả ngân hàng số nợ còn lại.

Toàn bộ tiền ông Tm – bà T trả ngân hàng sẽ thu vào tiền gốc. Sau khi thu hết tiền gốc mới thu vào tiền lãi.

2.3. Trường hợp ông Tm – bà T vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 1HK tại thôn HK, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo GCNQSD đất số U918820 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/06/2002 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn Tm.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Tm – bà T tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

2.4 Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 60.538.000 (Sáu mươi triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 30.269.000 (Ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn) đồng. Ông Nguyễn Văn Tm – bà Bùi Thị T phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 30.269.000 (Ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng X số tiền 29.376.000 (Hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi sáu) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0046729 ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Quang Tuyến